

Chương XIII KHAI HOÁ TRIỀU HUẾ

Từ 1885 tới 1888, Pháp liên lũy tìm một phương thức để "bảo hộ" Đại Nam một cách hữu hiệu. Văn hoa hơn, các viên chức thuộc địa Pháp ra công "khai hóa" tài nguyên và dân tộc Việt Nam, biến Đông Dương thành một thuộc địa giàu có nhất ở Viễn Đông.

Vấn đề gây nhiều tranh cãi là nên hay không nên tách biệt Bắc Kỳ khỏi An Nam. Theo Hiệp ước 6/6/1884, Pháp Bảo hộ toàn vương quốc Đại Nam [hiểu theo nghĩa không có Nam Kỳ và những lãnh thổ thượng du, hay cao nguyên Trung phần]; và vương quyền của triều đình Huế vẫn được công nhận ở Bắc Kỳ. Tuy nhiên, Từ Dụ và Tôn Nhơn Phủ nhiều hơn một lần bày tỏ ước muốn duy trì được vương quyền ở An Nam, và để trao đổi, sẵn sàng nhượng miền Bắc cho Pháp. Các viên chức Pháp, theo đúng chiến lược tầm ăn dâu, không những chỉ muốn tách Bắc Kỳ khỏi Huế, mà còn thiết đặt nền Bảo hộ trực trị tại An Nam.

I. THIÊN SỨ PHÁP:

Người Pháp, nói theo Tướng Warnet, đi những bước chậm, nhưng chắc. Năm 1886, chức "Tổng Trú sứ Huế" [*Résident Général*] qui định trong Hiệp ước 1884—có nhiệm vụ cai quản trực tiếp các Trú sứ [*residents*] (sau đổi gọi là công sứ) ở những tỉnh miền Bắc—trở thành "Tổng Trú sứ Tonkin và An Nam," với hai phụ tá là *Résident Supérieur* [Khâm sứ] Huế và *Résident Supérieur* [Thống sứ] Hà Nội. Sự tách biệt Bắc Kỳ với Huế tiến thêm một bước nữa qua việc thiết lập một Phủ Kinh lược ở Hà Nội năm 1887. Từ nay, việc hành chính ở Bắc Kỳ do viên Kinh lược làm trước, báo cáo sau với Huế—và người Pháp đã khôn khéo đặt lên ghé Kinh lược này một "dụng cụ" ngoan ngoãn, để bảo là Nguyễn Hữu Độ.

Tháng 10/1887, Pháp đi xa hơn, tổ chức Liên bang Đông Dương thuộc Pháp, do một Toàn quyền [*Gouverneur Général*] cầm đầu. Chức Tổng trú sứ sau đó bị bỏ. Từ ngày này, việc biệt phân giữa Bắc Kỳ và An Nam ngày một sâu đậm—sau cái chết của Độ vào tháng 12/1888, viên chức Pháp tự chọn Kinh lược miền Bắc. Trên thực tế, Bắc Kỳ tách biệt khỏi quỹ đạo Huế, dù phải 8 năm sau sự cắt nhượng này mới viết thành văn bản.

Vấn đề thứ hai là lựa chọn giai tầng trung gian bản xứ, tức các vua, quan và binh đội người Việt. Là một lực lượng ngoại xâm, Pháp không thể cung ứng đầy đủ các viên chức hành chính hay quân lính mẫu quốc để thống trị người Việt, bất kể một hình thái chính trị nào—thống trị, đồng hoá, hay hợp tác. Khí hậu nhiệt đới độc hại, và dân số Việt quá đông cũng không cho phép biến Đại Nam thành một thuộc địa di dân. Bởi thế, Pháp cần giai tầng trung gian bản xứ trong mọi sinh hoạt hàng ngày, để ít nữa truyền bá và thi hành được chính sách Bảo hộ. Một số viên chức Pháp, đặc biệt là những chính khách Cộng Hòa và tả khuynh như Paul Bert hay Jean de Lanessan, muốn tạm thời dùng các quan lại cũ, trong khi đào tạo cộng sự viên mới. Nhưng các giáo sĩ lại chủ trương giai tầng văn thân và quan lại cũ phải ngưng hiện hữu, thay bằng giáo sĩ và giáo dân Ki-tô. (1) Hai khuynh hướng

dị biệt này, với hai đối cực là "hợp tác" (*Pháp-Việt đề huê*), và "đồng hoá" (*Pháp hoá và Ki-tô hoá*). liên lũy tác động trên chính sách bảo hộ của Pháp—dù uyển chuyển, linh động theo từng hoàn cảnh. Giới cầm quyền thực dân cũng đã có phần tư thế kỷ kinh nghiệm cai trị ở Nam Kỳ, và một thiểu số cựu thầy kẻ giảng cùng bồi bép, mã tà để phụ giúp việc xiết chặt dân ách kèm chế.

1. Một số học giả, như Nguyễn Văn Phong, đã quên hoặc giảm thiểu ảnh hưởng của nhóm giáo sĩ, giáo dân Ki-tô trong sự hình thành các giai tầng xã hội mới tại Việt Nam dưới thời Pháp thuộc. Ngược lại, Cao Huy Thuần đã chú tâm quá mức đến tham vọng của các giáo sĩ Ki-tô, đặc biệt là nhóm Puginier. Xem, chẳng hạn, “Christianisme et Colonialisme au Viet Nam (1957-1914) [Đạo Ki-Tô và Thực Dân tại Việt Nam (1957-1968),” (Paris: 1968), bản thảo tiếng Pháp [224 trang]. Khôi văn chương “anh hùng thực dân Pháp” cung cấp tên tuổi và hành vi của một số “cộng sự viên” như một linh mục Trung nào đó, năm 1888, đã sai giáo dân làm một chiếc kiệu thô sơ, và cung cấp người khiêng tù nhân Nguyễn Phước Minh từ đồn Minh Cầm tới bến thuyền về Huế.

A. COURCY XIN HÒI HƯƠNG:

Biên độ cuộc tấn công của Tôn Thất Thuyết đêm mùng 4 rạng ngày 5/7/1885, và nhất là cuộc chiến Cần Vương kéo dài hơn mười hai năm, hiển nhiên vượt ngoài dự đoán của Roussel de Courcy—mặc dù từ ngày 4/5, Louis Caspar và các giáo mục đã mật báo cho Tổng Trú sứ kiêm Tổng Tư lệnh Pháp kế hoạch phục kích các sĩ quan Pháp chỉ huy trại Mang Cá, nằm trong góc đông bắc hoàng thành, trên đường trở về sau khi đi dự dạ tiệc ở Tòa Khâm trên bờ nam sông Hương. Biến cố này và phong trào Cần Vương kế tiếp trên toàn quốc khiến Roussel de Courcy và các cộng sự viên lúng túng không có một biện pháp nhất định nào. Phải gần hai tháng sau—trên bối cảnh cuộc tương tàn giáo-lương, và qua sự "cố vấn" của các giáo sĩ, đặc biệt là Puginier, cùng Nguyễn Hữu Độ—Roussel de Courcy mới quyết định gạt bỏ Nguyễn Phước Minh, đưa Nguyễn Phước Biện lên ngôi, sử dụng chiêu bài "trung hưng" dòng chính thống (Nguyễn Phước Thời) để đương đầu “em vua” [ngự đệ] bị các "gian thần" đặt lên ngôi, rồi uy hiếp dời khỏi kinh thành, "phản lại" Hoàng tộc, triều đình và chính phủ Bảo hộ Pháp.

Tuy nhiên, việc bình định không dễ dàng như Roussel de Courcy mong mỏi. Cho tới cuối tháng 11/1885, tức gần năm tháng sau biến cố Huế, tình hình vẫn chưa ổn định. Vụ lúa mùa tương đối tốt, các trục giao thông bắt đầu yên ổn hơn, thủy lộ hoạt động trở lại, công tác tu sửa cầu cống, đường xá được khởi sự. Nhưng mối lo ngại loạn lạc vẫn như lưỡi kiếm trên đầu. Trú sứ Nam Định (Gouin), chẳng hạn, báo cáo rằng việc buôn bán ở tỉnh này, căn bản nhờ xuất cảng gạo, hầu như "chết," và chỉ biết trông mong mùa sau. Các thuyền từ Nghệ An, Thanh Hoá và Hà Tĩnh bắt đầu xuất hiện, nhưng người ta vẫn sợ những cuộc nổi dậy nên chưa sầm uất. Tại Hải Dương, Phó Công sứ Aumoitte báo cáo đang bắt đầu việc công chính (lục lộ), vụ mùa mới mất đầu, chỉ sợ "giặc" phá, việc xuất cảng gạo (qua cửa Hải Phòng) cũng đã bắt đầu. (2)

2. Báo cáo số 461, ngày 29/11/1885, Courcy gửi BT Chiến tranh, SHAT (Vincennes), 10H xxx [43].

Đối thủ của Roussel de Courcy không chỉ có lực lượng Cần Vương mà từ ngay chính những người Pháp có ảnh hưởng. Các giáo sĩ Ki-tô cho rằng Roussel de Courcy không bảo vệ họ đúng mức và phần nào thiên vị dân Lương. Giới chức dân sự cũng không hài lòng với phong thái "lính tây" của Roussel de Courcy, và không muốn thấy Bắc Kỳ trở thành một trường chiến tranh cho các sĩ quan Pháp. Ngay đến Bourcier Saint-Chaffray, trưởng phái đoàn hoạch định biên giới Bắc Kỳ-Trung Hoa, cũng viết thư cho Freycinet, gom góp mọi lời chỉ trích Roussel de Courcy.(3) Tại Paris, đã có đề nghị triệt thoái Bắc Kỳ, hoặc co cụm quân viễn chinh trong vùng Quảng Yên/Cát Bà, và yểm trợ một chính phủ tự trị với Huế.

3. AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol 60, p 88; Nguyễn Xuân Thọ 1995, tr 397.

Liên hệ giữa Roussel de Courcy với Bộ Ngoại giao cũng ngày một xấu đi. Roussel de Courcy công khai đả kích vài điều khoản của Hiệp ước Pháp-Hoa Thiên Tân (9/6/1885), và chỉ muốn duy trì một "Bắc Kỳ thực sự"—tức vùng châu thổ sông Hồng và những địa điểm có thể thông thương bằng đường sông. Vì thế, Roussel de Courcy không tán thành trải quân Pháp dài theo biên giới Hoa Nam, mà chỉ muốn đồn trú các đơn vị bản xứ với cấp chỉ huy Pháp—thành lập từ năm 1884—ở những khu vực thưa dân, khí hậu độc hại, và chỉ giàu tài nguyên "trong trí tưởng tượng" này. Đại quân Pháp sẽ co cụm trong vùng mà Roussel de Courcy gọi là "Bắc Kỳ thực sự," tức một phần trung du và châu thổ, phía Nam của một đường vòng cung nối từ Quảng Yên tới Lào Kay và bọc xuống Nghĩa Lộ. Với An Nam, Roussel de Courcy cũng chống việc bỏ rơi xứ "nghèo nàn," gánh nặng của cả Bắc và Nam Kỳ. Theo Courcy, kỹ nghệ lâm sản của An Nam đầy hứa hẹn, và quan trọng nhất là cần kiểm soát cái gạch nối giữa hai vựa lúa Bắc và Nam.(4) Oái oăm thay, quan điểm chiến lược này gặp sức chống đối mãnh liệt ngay trong giới quân sự—kể cả Warnet, Tham mưu trưởng của Courcy. Warnet chủ trương phải "tiến về phía trước một cách chậm, nhưng chắc," và bỏ rơi Bắc Kỳ là một "tội." (5)

4. Báo cáo ngày 2/8/1885, Courcy gửi Bộ Chiến tranh; SHAT (Vincennes), 10H xxx [21].

5. Báo cáo của Warnet gửi Bert; SHAT (Vincennes), 10H xxx [44].

Ngoài ra, Roussel de Courcy chẳng những không tán thành đề nghị sử dụng Jean Dupuis của Paris—người được thưởng đảo Kế Bà trong Vịnh Bắc Kỳ như một phần bồi thường thiệt hại vật chất năm 1873-1874—mà còn từ khước cả sự đề cử Petrus Key ngày 28/10/1885 của Bộ trưởng chiến tranh. Theo de Courcy, Petrus Key từng dính líu vào việc hải tặc Tạ Văn Phụng và Peine Siéfert vào hai năm 1879 và 1880 ở Sài Gòn. (6) Ngày 18/12/1885, trước những chống đối ngày một gia tăng, Roussel de Courcy phản chỉ, xin hồi hương.(7)

6. CD số 138, ngày 30/12/1885, Courcy gửi BT Chiến tranh; Ibid., 10H xxx [21].

7. CD số 132, ngày 18/12/1885, Courcy gửi BT Chiến tranh; Ibid., 10H xxx [21].

Trong khi đó tại Paris đang có cuộc tranh luận nên giữ hay bỏ Bắc Kỳ. Tháng 12/1885, nhân dịp Quốc Hội Pháp thảo luận về số 79 triệu quan [francs] thặng dư ngân sách Bắc Kỳ năm 1885, Chủ tịch Tiểu ủy ban ngân sách của George Perrin phản đối chuyển số 79 triệu quan trên cho tài khoá 1886, và đòi rút quân khỏi Bắc Kỳ. Nhưng Dân biểu Freppel, Giám mục Angers, cực lực chống đối. Theo Freppel, bỏ rơi Bắc Kỳ là "một điều nhục nhã và mất danh dự." Cuộc viễn chinh không sai lầm, Freppel nhấn mạnh, chỉ có lãnh đạo yếu kém. Nước Pháp cũng không thể nào bỏ rơi "400,000 giáo dân Ki-tô, những người chỉ có một sai lầm và cái tội là đã bảo vệ quyền lợi nước Pháp." Rồi, đặt câu hỏi: "Có thể nào nước Pháp từ chối sứ mạng [khai hoá dân lạc hậu] mà Thượng đế và con người đã ủy nhiệm cho nước Pháp?" (8)

8. *Journal Officiel Débats parlementaires du 21/12/1885*, p 316; Thuần 1990, p 286.

Phe chủ trương triệt thoái cũng không kém quyết liệt. Ngày 22/12/1885, Dân biểu Delafosse tuyên bố: Bắc Kỳ là một "vết thương [plaie] chết người bên sườn nước Pháp, một vết thương luôn luôn mở rộng từ đó những dòng máu siêu tuyệt của nước Pháp chảy ra." Theo Delafosse, sự chiếm đóng quân sự vô thời hạn là sự tàn hoại về tài chính, gia tăng thâm thủng ngân khoản, tăng thuế, cũng như làm suy yếu quân đội.(9)

9. Ibid.; Thuần 1990, p 285.

Tuy nhiên, cả ba Bộ Chiến tranh, Ngoại giao và Hải quân đều chống việc rút khỏi Bắc Kỳ. Trong số các cựu Đô đốc/Thống đốc, chỉ có Duperré tán thành. Và ngày 23/12, với số thăm khít khao, 274:270, Quốc Hội Pháp chấp thuận sử dụng 79 triệu francs thặng dư cho năm 1886. Số phiếu khít khao trên khiến ngày 28/12, chính phủ Brisson phải từ chức. Ngoại trưởng de Freycinet được cử lên thay. Ngày 30/12/1885, khi được Paris hỏi ý kiến, de Courcy cho biết chỉ chịu ở lại Đông Dương với hai điều kiện: (1) thay Tướng Warnet bằng Đại tá Mourlan; và, (2) thay Silvestre bằng Parreau.(10)

10. SHAT (Vincennes), 10H xxx [44].

B. TÁCH BIỆT BẮC KỲ VÀ AN NAM (TRUNG KỲ):

Ngày 27/1/1886, Paris ra nghị định tổ chức Nhà nước Bảo hộ xứ Annam và Tonkin. Tổng trú sứ (*Résident Général*) sẽ đóng ở Huế, cùng với một Khâm sứ An Nam. Bắc kỳ có một Thống sứ [*Résident Supérieur*] ở Hà Nội. Từ ngày này, phần lãnh thổ còn lại của Đại Nam (Bắc Kỳ và An Nam) được chuyển qua Sở Bảo Hộ (*Sous Direction des Protectorats*), thuộc Nha Chính trị (*Direction politique*) Bộ

Ngoại giao. Việc bình định vẫn thuộc Bộ Chiến tranh, do Tướng Boulanger làm Bộ trưởng. Dân biểu Paul Bert, cựu Bộ trưởng Giáo dục trong chính phủ Gambetta và Ferry, được cử làm Tổng trú sứ.

Ngày 31/1/1886, Roussel de Courcy lên đường về nước. Warnet xử lý thường vụ tới ngày 25/4/1886. Arthur Dillon được cử làm Khâm sứ ở Huế; và Paulin Vial, Thống sứ Hà Nội.

Trước khi Dillon đáo nhậm nhiệm sở, ngày 23/2/1886, Độ và Nguyễn Thuật ký với Khâm sứ Hector một qui ước mới về mỏ (sửa đổi qui ước ngày 18/2/1885). Từ nay, kiều dân Pháp được quyền xin khai khẩn và sở hữu các vùng đất quặng mỏ trên toàn lãnh thổ Đại Nam.(11)

11. *ĐNTLCB*, VI, III, 37:1885-1886, 1977:106-107.

1. Paul Bert (8/4-11/11/1886):

Bert là một đảng viên "Cộng Hòa," từng bị phe cực hữu và bảo thủ kết án như "kẻ chống Giáo hội điên cuồng," và "kẻ thù quyết liệt của giáo hội." Tội to nhất là khi giữ ghế Bộ trưởng Giáo dục, Bert từng phát động chính sách giáo dục quốc gia phi-tôn-giáo. Theo Bert, nước Pháp không còn trách nhiệm hoằng dương hay rao giảng một tôn giáo nào, và cũng không nhận một tôn giáo nào làm quốc đạo. Ra trước Hạ Viện, Bert tuyên bố: "Tôi muốn chinh phục dân An Nam bằng bàn tay mở rộng và thanh gươm đeo bên hông." (12)

12. J. Chailley, *Paul Bert et Tonkin* (Paris: Charpentier, 1887), p 325.

Tới Sài Gòn ngày 28/3/1886, một trong những người đầu tiên Roussel de Bert tiếp xúc là Giám mục Sài Gòn Colombert. Bert, theo Colombert, đã "dấu cái đuôi chống Giáo hội" và ân cần đón nhận những đề nghị của Colombert về vấn đề đối xử với giáo dân Ki-tô, đặc biệt là vấn đề bồi thường thiệt hại.(13) Ra Hà Nội ít ngày sau, Giám Mục Puginier cũng là nhân sĩ đầu tiên Bert đến thăm và tham khảo ý kiến, trước khi chính thức nhận chức Tổng Trú sứ ngày 8/4. Bert có vẻ rất tin cậy Petrus Key—đã trở thành một học giả qua tập truyện “cổ tích bằng Pháp ngữ” dùng làm sách giáo khoa cho các trường tiểu học Nam Kỳ thấp [*Cours d'histoire annamite à l'usage des écoles de la Basse-Cochinchine*] năm 1877-1879, và hai tử điển Pháp-Việt-Hoa loại bỏ túi và hạng trung do chính phủ Nam Kỳ tài trợ từ năm 1884—từng liên lạc với Bert qua thư tín. Ngày 12/4/1886 Bert cử Petrus Key tới Huế làm việc trong Viện Cơ Mật, với chức Hàn lâm viện thị giảng đại học sĩ. Đồng liêu có Thị giảng Nguyễn Trọng Tạo. Bert còn định cho Petrus Ký dạy Nguyễn Phước Biện tiếng Pháp.(14) Peine-Siefert—tác giả giải pháp đóng hành dinh quân viễn chinh Pháp ở Quảng Yên và yểm trợ một chính phủ Bắc Kỳ tự trị, do Pháp bảo hộ—cũng tới Huế. (15)

13. Xem "Note" gửi Bert của Colombert ngày 25/3/1886; ASME (Paris), Cochin. Occi., 1867-1889, vol 756, số 727; Tuck 1987, p 221.

14. *ĐNTLCB*, VI, IV, 37:1885-1886, 1977:168 [tháng 5 Bính Tuất, 2/6-1/7/1886]. Những tựa sách đã dẫn đều có dấu tích trong hồ sơ Petrus Ký tại Trung Tâm Lưu Trữ Trung Ương II (TP/HCM). Cần nhấn mạnh, tập truyện cổ

tích *Cours d'histoire annamite* (Saigon: Imprimerie du gouvernement, 1877) khó thể xếp hạng như một bộ sử nghiêm túc. Ngày tháng, sự kiện đều thiếu chính xác, dựa trên truyền khẩu sử của Hội truyền giáo, cùng một tập dã sử văn vắn. Cám ơn Luật sư Trần Thanh Hiệp đã làm phóng ảnh một phần tập 1 ở thư viện Mitterand quận XIII, Paris; và vợ chồng Vũ Thái Dũng mua giúp một phóng ảnh tập 2. Xem Phụ Bản Tài liệu 13.

15. *Le Constitutionnel*, 1/12/1885; dẫn trong Nguyễn Văn Phong 1971, p 34.

Tại miền Bắc, ngày 30/4/1886, Bert triệu tập 43 "nhân sĩ" ở Hà Nội để tham khảo ý kiến. (Ngày 28/7/1886, khai mạc phiên họp đầu tiên. Bert chỉ tới dự lễ bế mạc). Để vượt ve giới sĩ phu, Bert định thành lập một Viện Hàn lâm Bắc Kỳ hầu qui tụ những sĩ phu nổi danh và vài học giả Pháp chuyên về Đông phương học, hầu thẩm giá lại việc thi cử. Niềm hy vọng của Bert, và của một số viên chức khác như Jean de Lanessan, Dumoutier hay Silvestre là không thể bỏ hệ thống giáo dục truyền thống, thay thế bằng chữ quốc ngữ như Puginier và các giáo sĩ cổ võ. Bert còn thành lập Phòng thương mại Hà Nội và Hải Phòng.

Để đặt xuống nền tảng cho việc tách Bắc Kỳ khỏi Huế, Bert áp lực Nguyễn Phước Biện ra Dụ ngày 3/6/1886, lập chức Kinh lược Bắc Kỳ, có toàn quyền thay mặt triều đình xử lý mọi việc. Nguyễn Hữu Độ được cử giữ chức vụ này. Tháng 7/1886, khu Trường Thi cũ được dùng làm Dinh Kinh lược.(16)

16. *ĐNTLCB*, VI, IV, 37:1885-1886, 1977:170,

Dẫu vậy, những cuộc kháng chiến của sĩ phu Việt vẫn chưa chấm dứt. Bert phát động một chiến dịch chiêu hồi, cho phép sĩ phu Cần Vương trở về. Để chiêu hồi các cựu quan chức, ngày 30/5/1886, Bert chấm dứt chức vụ Kinh lược sứ Thanh Hóa của Trần Lục. Rồi khuyên Nguyễn Phước Biện cử cựu Bắc Kỳ đại tướng quân Hoàng Kế Viêm, một phần tử "hiếu chiến" cũ, làm An phủ sứ Hữu trực Kỳ (Thanh Hóa-Nghệ An-Hà Tĩnh). Nguyễn Thuật, một tay hiếu chiến khác, lo việc phủ dụ ở Nam trực, phía Nam Huế. (17)

17. *ĐNTLCB*, VI, III, 37:1885-1886, 1977:143 [Tháng 4-5/1886, cử Trần Lục làm Tuyên Phủ sứ Thanh Hóa]; V, *Ibid.*, 1977:200, 203, 236, 237; VI, *Ibid.*, 1977:248, 254, 257; & VII, *Ibid.*, 1978:305 [Hoàng Kế Viêm, Nguyễn Thuật].

Theo Puginier, cả thầy trò Puginier và Trần Lục đều mừng rỡ về quyết định của Bert. Cá nhân Trần Lục cảm thấy thương dân Thanh Hóa, vì chỉ trong vòng một tháng, Lục đã chiêu hồi được rất đông người cầm đầu "dân Mọi," ngoại trừ Cai Mao và Cầm Bá Thước. Số khoa bảng, từ Cử nhân tới Tú Tài xin về thú cũng khá đông. Puginier cũng cảm thấy quyết định của Bert sẽ có hiệu quả xấu trong tương lai. Rồi tự bào chữa là mặc dù Tướng Warnet và Độ không tham khảo Puginier về việc bổ nhiệm Trần Lục, nhưng vì "lợi ích chung," Puginier đã im lặng.

Về vấn đề tương tàn Lương-Giáo, Bert chủ trương "đứng ngoài," hay vượt trên sự tranh chấp. Giới chức quân sự Pháp được lệnh trừng phạt bất cứ phe "gây rối loạn" nào, bất kể tôn giáo. Chính sách này khiến Puginier không hài lòng. Ngày 13/9/1886, Puginier gửi cho Bert một đề nghị dùng giáo dân Ki-tô Việt để "bình định"—một chính sách có thể mệnh danh là *dùng người Việt giết người Việt*. (18)

18. "Notes" ngày 13/9/1886, Puginier gửi Tổng Trú sứ; CAOM (Aix), Indo, Amiraux 11782.

Nhưng nhu cầu bình định khiến Bert phải ít nhiều đồng minh với giai tầng giáo sĩ thuộc địa. Trường hợp Bình Thuận là một thí dụ tiêu biểu của sự "nhập gia tùy tục" [*adaptation*] này. Đầu năm 1886, một số người muốn sát nhập thêm ba tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa và Phú Yên vào lãnh thổ Nam Kỳ, vì một số người nam đã chạy loạn tới vùng này, tiếp tục gây trở ngại cho việc bình định. Ngày 13/3/1886, Bộ Ngoại Giao bổ nhiệm Etienne Aymonier làm Công sứ đặc biệt tỉnh Bình Thuận. Bert tán thành vì theo Bert Qui ước Harmand (25/8/1883) gồm những điều khoản "khôn ngoan" [*sage*]. (19) Từ tháng 8/1885, nếu không phải sớm hơn, Thống đốc Nam Kỳ, Ange Michel Filippini (20/6/1886-22/10/1887) cũng đã liên tục xin phép Paris "giải phóng" 60,000 lính hèn dân Chàm đã và đang rên xiết dưới ách cai trị độc ác của quan lại Việt, và tiêu diệt chiếc nôi của các phong trào kháng Pháp sát nách Nam Kỳ. Phần Aymonier, từ năm 1884 nhà "nhân chủng học" tài tử này cũng đã đề xướng việc sát nhập cả ba tỉnh Nam Trung Kỳ vào Cochinchine.

19. Cao Huy Thuần 1990, p 337, chú 49.

Ngày 7/8/1886, Aymonier cùng Trần Bá Lộc mang quân ra chiếm Bình Thuận và Khánh Hòa. Nghĩa quân nổi lên khắp nơi. Tháng 9/1886 Filippini điều thêm quân tăng viện, và cho Lộc toàn quyền hành động. Nhân dịp này, Lộc áp dụng quân luật quen thuộc ở miền Nam trước kia, tức bắt các thân nhân của nghĩa quân cũng như viên chức hương xã của các địa phương bị rối loạn phải liên đới chịu trách nhiệm. Mặc dù loại "quân luật" này có thể bị xếp loại như một tội ác chiến tranh, nhưng trong thư ngày 15/10/1886, gửi Filippini, Bert công khai ủng hộ Aymonier:

Đường lối đứng đắn là hãy để cho viên công sứ khéo léo chứng tỏ khả năng hoạt động thực sự của mình tiếp tục công việc mà ông ta bắt đầu rất tốt. Chương trình mà viên công sứ [Aymonier] trình bày với ông tôi thấy rất khôn khéo và tôi đồng ý hoàn toàn, ông ấy biết quá nhiều về người và việc ở An Nam nên không làm gì vượt quá mục đích phải đạt đâu." (20)

20. Báo cáo ngày 22/8/1887, Filippini gửi Colonies; CAOM (Aix), INF, c.2, d. A-00 (22).

Khó thể nói ảnh hưởng của các giáo sĩ—đặc biệt là Puginier—sẽ hướng dẫn Bert đến đâu trong sứ mệnh bảo hộ Đại Nam. Cái chết đột ngột ngày 11/11/1886 ở Hà Nội khiến mọi kế hoạch của Bert đều bị lỡ dở.

2. Paul Bihourd ([24/11/1886] 29/1-9/1887):

Ngày 24/11/1886, Paul Bihourd [Bi U] được cử làm Tổng trú sứ, nhưng Paulin Vial vẫn XLTV cho tới ngày 29/1/1887. Nhiệm kỳ của Bihourd cũng vón vẹn chín tháng. Điểm đáng chú ý nhất là từ tháng 8/1887, nhờ sự can thiệp của Bihourd, Pháp trả lại triều đình Huế hai tỉnh Bình Thuận và Khánh Hoà. Nhân dịp này, Nguyễn Phước Biện cử Phan Liêm làm Tổng đốc; và đề bạt Nguyễn Thân từ chức Sơn Phòng sứ Quảng Ngãi lên Khâm sai Tả trực kỳ. Sau cử Nguyễn Văn Phong thay Liêm.(21) Tháng 9/1887, Bihourd về nước.

21. *ĐNTLCB*, VI, VIII, 38:1886-1888, 1978:12-13.

C. THÀNH LẬP LIÊN BANG ĐÔNG DƯƠNG:

Thời gian này, ngày 26/6/1887, Pháp và nhà Thanh đã ký một qui ước về biên giới Hoa Nam và Bắc Kỳ. Paris cũng nghiên cứu kế hoạch tái tổ chức guồng máy hành chính các thuộc địa và xứ bảo hộ. Ngày 17/10/1887, Pháp quyết định thành lập Liên bang Đông Dương [*L'Union Indochinoise*]. Đơn vị hành chính mới này gồm ba xứ: Nam Kỳ, Miên và Đại Nam (thường viết là Bắc Kỳ-An Nam). Cầm đầu là một Toàn quyền, một chức vụ chính trị, có nhiệm vụ điều động Thống đốc Sài Gòn, Tổng trú sứ Cao Miên, và Tổng Trú sứ Annam và Bắc Kỳ tại Huế. Từ ngày này, việc cai quản An Nam và Bắc Kỳ chuyển từ Bộ Ngoại Giao sang Bộ HQ & TĐ, dưới quyền một Thứ trưởng Thuộc địa.

1. Toàn Quyền Jean A E Constans (9/11/1887-4/1888):

Ngày 9/11/1887, Dân biểu Jean Antoine Ernest Constans được bổ nhiệm làm Toàn quyền tạm thời. Constans là một trong những lãnh tụ của phe đa số Cộng Hòa tại Quốc hội, chống lại phe bảo thủ (hữu) và giáo hội Pháp.

Giống như Bert, Constans chủ trương phải duy trì liên hệ tốt đẹp với triều Huế; phát triển kinh tế toàn Đông Dương; và, cắt giảm binh đội cùng quân phí. (22) Chính sách này đi ngược lại quan điểm giới quân sự—kể cả Tướng Bégine, đương kim Tư lệnh đạo quân viễn chinh. Họ chủ trương cần phải bình định bằng quân sự trước khi "khai hoá." Constans thì quan niệm rằng hai nỗ lực bình định qua các viên chức hành chính và quân sự phải song hành. Tuy nhiên Constans cũng không ở Đông Dương lâu. Tháng 4/1888, Constans về nước. Ngày 22/4/1888, Etienne Antoine-Guillaume Richaud, Tổng trú sứ Huế, tạm thay rồi được chính thức hoá chức Toàn quyền ngày 8/9/1888.

22. Cao Huy Thuần 1990, p 323.

2. Toàn quyền Etienne A G Richaud (22/4- [8/9]/1888):

Etienne A G Richaud, người được Thứ trưởng Thuộc Địa Jean de La Porte (15/1/1886-7/6/1887, 19/2/1888-14/3/1889) yểm trợ, nghiêng về phía quân sự.

Richaud muốn duy trì đạo quân viễn chinh đủ mạnh để đề phòng nổi loạn.(23) Theo Richaud, nguyên nhân của những phong trào kháng Pháp tại Bắc Kỳ là thiếu phương tiện và tổ chức kiểm soát quan lại bản xứ. Bởi vậy, phải kiểm soát chặt chẽ triều đình Huế, nguồn gốc và đầu não của các phong trào kháng Pháp. Cách kiểm soát hiệu nghiệm nhất là phải đặt phủ Toàn quyền ngay tại Huế. Đồng thời lôi kéo Nguyễn Phước Biện về phía Pháp—như cho ông ta nhiều vinh dự, nâng cao uy tín, giúp vua chỉ huy được các đại thần.(24) Tuy nhiên, Richaud cũng không muốn bắt chức Constans và Khâm sứ Hector vì họ đã đối xử với Nguyễn Phước Biện "quá lịch sự," với lễ nghi dành cho quốc trưởng một nước khác. Nguyễn Phước Biện, theo Richaud, là **"người được chúng ta bảo hộ; do chúng ta đưa lên làm vua, nhất định phải dưới quyền chúng ta."** (25)

23. Báo cáo ngày 10/6/1888, Richaud gửi de La Porte; CAOM (Aix), FOM, carton 6, A 20 (26); Báo cáo ngày 10/3/1889; Ibid., carton 20, A 30 (85); Cao Huy Thuần, 1990, pp 322-32.(chống lại việc rút quân của Constans, và chính sách mà Richaud gọi là "politique d'effacement" [chính sách né tránh])

24. Báo cáo ngày 18/10/1888, Richaud gửi De la Porte; CAOM (Aix), carton 19, A 30 (84); Cao Huy Thuần 1990, pp 328. (Đồng Khánh).

25. Báo cáo ngày 16/1/1889, Richaud gửi Thứ trưởng TĐ; CAOM (Aix), carton 20, A 30 (85) [325]

Dưới áp lực của Richaud, ngày 1/10/1888, Nguyễn Phước Biện cắt Hà Nội, Hải Phòng sứ Hải Dương và Đà Nẵng cho Pháp làm nhượng địa. Nha Hải Phòng, nguyên thuộc Hải Dương, mới được thành lập vào đầu năm 1888. Nha này gồm thêm phủ Kiến Thụy (hai huyện Nghi Dương, An Lão), huyện An Dương, và 2 tổng huyện Kim Thành (Đàn Kiên, Du Viên), cùng 4 xã huyện Thủy Nguyên (Tả Quan, Lỗ Dương, Lâm Đồng, Bính Đồng). Cao Xuân Dục, Bố chính sứ Hà Nội, được bổ làm Hải Phòng sứ đầu tiên. Phó sứ là Nguyễn Văn Tân; Nguyễn Viết Vinh, Đề đốc. Đây là theo lời tâu của Kinh lược sứ Bắc kỳ Độ. Ngày 19/7/1888, Pháp ký nghị định thiết lập thành phố Hải Phòng. (26)

26. *ĐNTLCB*, VI, XI, 38:1886-1888, 1978:124-125, 133-134.

Richaud cũng chủ trương phải thiết lập một chế độ trực trị, biến vua quan Việt thành những "dụng cụ" của chế độ Bảo hộ Pháp. Tuy nhiên, cái chết đột ngột của Nguyễn Phước Biện ngày 28/1/1889 khiến phải tới đầu triều Nguyễn Phước Chiêu, Richaud mới có cơ hội thực hiện phần nào giấc mơ trực trị của mình.

II. NHỮNG BIẾN ĐỔI TẠI TRIỀU HUẾ:

A. "CON TRỜI":

Việc lập Nguyễn Phước Biện thay Nguyễn Phước Minh—dù dưới chiêu bài "phục hưng dòng chính thống" và được sự yểm trợ của Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu—không tạo cho Nguyễn Phước Biện vương quyền cần thiết.

Tướng Warnet, XLTV Tổng Trú sứ năm 1886, nhận định:

Chắc chắn là ông ta chẳng bao giờ có thể trở thành một đại đế. Chúng ta đừng kỳ vọng gì điều đó. Nhưng ông ta phải là một dụng cụ trong tay chúng ta và để cho dụng cụ này trở nên hữu dụng, chúng ta phải chăm sóc ông ta một cách cẩn mẫn, nghĩa là cho ông ta được bao quanh bằng càng nhiều uy tín càng tốt, hãy cho ông ta tất cả vương quyền bề ngoài. Ngược lại, ông ta sẽ chỉ xuất hiện trước mắt các quan lại và dân chúng như một tù nhân và ông ta chẳng có công dụng gì.... "một vòng hoa, không hơn không kém [Le couvrir de fleurs, rien de plus]." (27)

27. SHAT (Vincennes), 10H xxx [44].

Vẫn theo Warnet, cho tới đầu năm 1886, còn có người cổ võ việc tái lập Nguyễn Phước Minh và phế Nguyễn Phước Biện (ám chỉ vài nhân vật gây sự hiểu lầm xấu ở Huế). Tình hình hỗn loạn ở An Nam là do vương quyền của Nguyễn Phước Biện chưa được công nhận, và sự hiện diện của [Tôn Thất] Thuyết cùng giới sĩ phu, những người cảm thấy uy tín của họ bị đe dọa.(28)

28. Ibid.

Mùa Hè 1886, để gây thêm uy tín cho Nguyễn Phước Biện, Bert cho vua làm một chuyến "Bắc tuần." Chuyến du ngoạn các tỉnh miền bắc An-Nam—nơi phong trào Cần Vương còn sôi nổi và những cuộc tương tàn giáo lương vẫn bộc phát đó đây—bắt đầu ngày 17/6/1886.(29) Nhân dịp này, Thuyết và các lãnh tụ Cần Vương tìm mọi cách hạ uy tín Nguyễn Phước Biện. Ngày 21/6, Nghĩa quân Quảng Bình uy hiếp tỉnh thành nhân dịp quan lại bận tổ chức đón tiếp vua. Nguyễn Phước Biện phải cử Độ cầm quân đánh dẹp. Ngày 27/7, Nguyễn Phước Biện rời Quảng Trị ra Quảng Bình. Tuy nhiên, chuyến đi đầy trở ngại và tai tiếng. Ngày 3/8, Bert phải cho lệnh Peine-Siéfert trở lại Huế. Ngày 19/8, vừa tới Quảng Bình, Nguyễn Phước Biện ngã bệnh. Lại thêm một vụ rắc rối nữa là Đại úy Billet, chỉ huy trưởng lực lượng hộ tống Pháp, hành hung một võ quan Việt.(30) Trong khi đó, quân Cần Vương tiếp tục khuấy rối. Ngày 4/9, vua phải dùng tàu thủy trở lại Huế.

29. SHAT (Vincennes), 10H xxx [8].

30. *DNTLCB*, VI, IV, 37:1885-1886, 1977:170, 186, 193. Billet bị cấp tốc triệu hồi. Bert còn yêu cầu Bộ trưởng Chiến tranh truy tố Billet ra trước tòa án binh.

Hầu hết những việc làm của Nguyễn Phước Biện chỉ nhằm hợp thức hóa bất cứ việc gì người Pháp hay Nguyễn Hữu Độ yêu cầu—từ việc thăng thưởng, ban cấp phẩm hàm tới cắt nhượng đất đai. Vua bất lực đến độ không thể cứu được cả thầy học của mình đã xin đầu thú, hay ngăn chặn giáo sĩ, giáo dân bắt giết các lãnh tụ Cần Vương bỏ khí giới theo chính sách "an phủ" (hay chiêu hồi).(31)

31. Xem trường hợp Trần Văn Dữ, *supra*.

Tuy vậy, Pháp vẫn dành lại cho Nguyễn Phước Biện chút quyền lực nho nhỏ. Vua cố thể tái lập lệ bán phẩm hàm. Từ Thanh Hoá trở vào Nam, ai nộp 1,000 quan trở lên được tước tòng cửu phẩm bá hộ (võ) hoặc văn giai trở lên. Cứ thêm 1,200 quan, thêm một trật.(32) Vua và mẹ vua cũng âm thầm đào tìm kho tàng trong cấm cung, và theo báo cáo của Rheinart, đã "trộm cắp" được một số bạc khá lớn do Nguyễn Phước Đảm và Tôn Thất Thuyết chôn giấu.(33) Từ ngày 13/2/1889, Rheinart và phụ tá là Léon Bouulloche đã bí mật điều tra vụ tâu tán kho tàng vương quốc, với sự giúp đỡ của một số thân vương như Miên Trinh. Theo *Thực Lục* đời Nguyễn Phước Đảm, trước khi thu phục thành Phiên An ngày 8/8/1835, Nguyễn Phước Đảm đã gom góp được khoảng 800,000 lượng bạc, chôn vào một hầm kín. (34)

32. *ĐNTLCB*, VI, IX, 38:1886-18[89], 1978:55.

33. Báo cáo ngày 28/2/1889, Rheinart gửi Toàn quyền; AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol. 74; Nguyễn Xuân Thọ, (1995), tr 412-415. Theo Rheinart, Nguyễn Phước Biện đào bới được 450,000 đồng, 1 kho vàng, 500,000 francs đồ vật, trang sức quý. [414-15]

34. *ĐNTLCB*, II, CLVI, 17:1835B, 1963:35. [lạng: 37.75 grs; nén: 10 lượng [377 grs]

Nguyễn Phước Biện cũng còn một số thân tín để làm một cuộc thanh trừng lớn năm 1887—đó là loại bỏ Văn Minh Điện Đại học sĩ Phan Đình Bình, Thượng thư Bộ Lại, cũng cha vợ vua, và Tự quân Ứng Chơn, tức ông ngoại Bửu Lân. Theo sử Nguyễn, vì khác biệt ý kiến với Bình, Độ mật tâu với Nguyễn Phước Biện là Bình trước kia có ý định tôn lập Bửu Lân, để giết đi. Vì Bình cũng là cha vợ Nguyễn Phước Biện, triều thần nghị án nhiều lần vẫn chưa đủ kết tội chết. Sau buộc tội Bình và vợ đã lấy trộm đồ dùng của vua (một chiếc cối đá và một chiếc rương), đồng thời ăn hối lộ của một con buôn. Bình "uất ức quá mà chết" trong ngục. Trước khi ra tay, có lẽ để dò tâm ý Pháp, ngày 7/11/1887, Nguyễn Phước Biện đích thân gặp Tướng Munier nhờ bảo vệ an ninh. (35)

35. Báo cáo ngày 4/12/1887, Munier gửi BCT; AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol 73, pp 63-64. *ĐNTLCB*, VI, VIII, 38:1886-18[89], 1978:23-24 [23-27].

Tư liệu văn khố Pháp còn ghi nhận Nguyễn Phước Biện có triệu chứng bệnh thần kinh. Cả Khâm sứ Rheinart lẫn Toàn quyền Richaud đều cho rằng vua có những dấu hiệu mất quân bình.(36) Năm 1897, Khâm sứ Ernest Brière cũng nhận xét:

.... [Nguyễn Phước Biện] trước khi lên ngôi cũng có những dấu hiệu bất quân bình, và người ta biết rằng trong thời gian trị vì, vua có nhiều hành vi biểu lộ sự bất quân bình trên.

[La branche de [Nguyễn Phước Biện] fut écartée en raison des désordres cérébraux qui ont été constatés sur divers asce[n]dants et dont j'ai déjà parlé plus haut. [Nguyễn Phước Biện] lui-même passait avant son avènement au

trône pour un esprit mal équilibré, et l'on sait que pendant la durée de son règne ce prince présenta à diverses reprises des symtomes inquiétants pour sa raison]. (37)

36. Báo cáo ngày 28/2/1889, Rheinart gửi Richaud; AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol. 74.

37. Báo cáo ngày 25/1/1897; CAOM (Aix), GGI, 9619/39. Từ năm 1884, khi thảo luận về việc kế vị Nguyễn Phước Hạo [Kiến Phước], Rheinart cũng đã nêu lên chứng bệnh di truyền “thần kinh” của phòng Hoàng Cai. Khâm sứ Fernand Levecque, năm 1906, lập lại luận cứ “bệnh não” trên; CAOM (Aix), GGI, 9577.

Một trong những thái độ bất bình thường biểu lộ qua ý định đặt tên cho hai quả núi giả trong Cẩm cung. Vua muốn đặt tên cho hai trái núi giả này là “*long tàng phụ*” và “*hồi phục sơn*” để tỏ ra vua đang “ngồi ở chính giữa, để trấn áp cuộc long hổ giao tranh.” (38) Tạ Thúc Dĩnh và các quan Nội các đề nghị đổi “long tàng” thành “bàn cứ”, vì đây chỉ là núi giả, không phải núi Chung sơn như rồng bò, thành đá như hổ phục, của đất Kiến Nghiệp của họ Ngô trong thời Tam Quốc.

38. *DNTLCB*, VI, VIII, 38:1886-1888, 1978:13-4.

B. "CHA MẸ CỦA DÂN:"

Vì đã biến các vua Việt thành những món trang sức, người Pháp rất thận trọng trong việc lựa chọn các đại thần ở triều đình Huế, cũng như các quan đầu tỉnh—những “dụng cụ” mà dù muốn, dù không người Pháp không thể không sử dụng để bảo hộ Đại Nam. Sau khi Nguyễn Phước Minh xuất giá, một số lớn các đại thần trong triều đều bỏ theo vua, xin cáo quan về hưu, hay bị Pháp hạ ngục, lưu đầy. Để điền vào chỗ trống, người Pháp thi hành hai chính sách song hành, đó là chiêu hàng những người tên tuổi, và cất nhắc những người có công lao với Pháp.

Nguyễn Hữu Độ (1833-1888), thuộc dòng dõi một gia đình theo đạo Ki-tô từ thời Pierre G Pigneau [Bá-Đa-Lộc]. Con thứ 5 của Nguyễn Quang Huy (sau được phong chức Huy Quang Hầu). Từng theo học Quốc Tử Giám. Năm 1867, đậu Cử Nhân; được bổ làm Giáo thụ Kinh Môn, Hải Dương. Sau lên quyền tri huyện, tri phủ và Thương tá Hải Dương. Năm 1872 bị triệu hồi. Năm sau, khi Francis Garnier đánh Hà Nội, giặc bẻ nổi lên, Độ xin mộ binh đánh giặc, được Nguyễn Văn Tường nâng đỡ. Năm 1875 được cử làm Thương chính kiêm đốc Hải Phòng. Năm sau, lên Tá Lý Bộ Lại. Rồi chuyển qua Thương Bạc Ty, tức Nha Ngoại Giao, dưới quyền Tường. Lên đến Tuần phủ Hà Nội, Phó sứ, Tổng Đốc Sơn-Hung-Tuyên. Năm 1883, sau khi Rivière hạ thành Hà Nội, Trần Đình Túc được cử làm Khâm sai Đại thần ra Bắc. Túc mang theo Độ ra giúp sức. Túc ở đến cuối năm, rồi về hưu. Độ ở lại, được Pháp tặng Đệ tứ Đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh. Được giao chức Kinh lược sứ Bắc Kỳ, gia phong tước Quận công, đứng đầu “Tứ trụ triều đình” [Cần Chính điện đại học sĩ]; con gái được cất nhắc lên hàng nhị giai (hoàng quý

phi) của Nguyễn Phước Biện, con trai được truy tặng quan tước, một nhà vinh hiển cho tới lúc chết già vào tháng 12/1888.(39)

39. Độ sinh tại xã Gia Miêu, Tổng Sơn, Thanh Hoá. Dòng dõi Nguyễn Hữu Dật, danh tướng thế kỷ XVII. Xem thêm chế tuyên dương công trạng; *Ibid.*, I, 37:1885-1886, 1977:48-9; *DNCBLT*, q. 39, (1993), tập 4, tr 358-63.

Sau cái chết của Độ, Nguyễn Trọng Hiệp [Hợp], từng đi sứ cầu viện nhà Thanh đánh Pháp, được bổ nhậm chức Quyền kinh lược Bắc Kỳ để chống lại các phong trào Cần Vương, rồi về Kinh thay Phan Đình Bình làm Thượng thư Bộ Lại, kiêm Tổng tài Sử quán, rồi Văn Minh điện đại học sĩ, trước khi bị ép về hưu vào tháng 3/1888. Hợp nổi tiếng trung thành với Nguyễn Phước Minh—năm 1888, sau khi Nguyễn Phước Biện chết, từng đề nghị tái lập Nguyễn Phước Minh, nhưng Khâm sứ Pháp không đồng ý.

Ngay đến Hoàng Kế Viêm, người đã từng cầm quân chống Pháp ở Bắc Kỳ, được triệu vào Kinh, phong làm Đông Các Đại học sĩ, cùng Nguyễn Phước Biện bàn luận việc cơ mật. Sau đó, Bert cất nhắc Viêm lên chức An phủ sứ Hữu Trục Kỳ, với trách nhiệm phủ dụ các tổ chức Cần Vương ở vùng Hữu Trục Kỳ. Năm 1887, sau cái chết của Bert, Viêm bị cách chức, về kinh làm cố vấn cho Nguyễn Phước Biện. Thực ra, chỉ là một cách giám thị Viêm.

Nguyễn Thuật, dù có anh em tham gia phong trào "Cần vương" khởi nghĩa ở tỉnh Quảng Ngãi, vẫn được trọng dụng, cho cầm quân đánh dẹp ở Quảng Nam, rồi thăng lên Tổng đốc Thanh Hóa—nơi chôn rau, cắt rốn của tổ tiên họ Nguyễn—trước khi về triều nắm bộ Binh, bộ Lại. Ngay đến Trương Quang Dẫn (1833-1911)—từng giữ chức Tuần phủ Quảng Trị ngày vua Nguyễn Phước Minh đi kháng chiến, có em trai theo hộ vệ Nguyễn Phước Minh, nhưng nhờ danh tiếng cha là Trương Đăng Quế, quan đầu triều Nguyễn Phước Tuyên và Nguyễn Phước Thời—chỉ bị giáng xuống Bộ chính Quảng Ngãi, rồi được cất nhắc lên chức Tổng Đốc Bắc Ninh. (40)

40. *DNTLCB*, VI, X, 38:1886-1888, 1978:87.

Nguyễn Chánh, từ ngày về thú, được giao cai quản hạt Nghệ An, lo việc đánh dẹp Cần Vương. Lê Mô Khải, Thị độc sung Biên tu Sử quán, từng tháp tùng Nguyễn Phước Minh, được trả lại hàm cũ, ra Quảng Bình tìm cách móc nối vua.(41)

41. *DNTLCB*, VI, VIII, 38:1886-1888, 1978:13.

Bên cạnh những đại thần thuộc "trường phái cổ," tức còn sót lại từ triều Nguyễn Phước Thời, có những khuôn mặt trẻ trung hơn, nhiều lần vào sinh ra tử cho quyền lợi Đại Pháp. Vinh hiển nhất ở miền Trung là Nguyễn Thân. Thân gốc Quảng Ngãi, được lãnh ấn "Khâm mạng đại thần" để đánh dẹp các phong trào Cần Vương ở Quảng Nam và Bình Định. Năm 1887, Thân bắt được Nguyễn Hiệu, mang về Quảng Nam xử tử để răn đe giới văn thân ái quốc. Tại miền Bắc, Hoàng Cao Khải, gốc Hà Tĩnh, được cất nhắc lên chức Tuần phủ Hưng Yên để đánh dẹp

chiến khu Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật. Cao Xuân Dục cũng rất hăng hái, nhiệt tình đánh dẹp "giặc" Cần Vương ở vùng Hà Nội, Hải Dương, được khen thưởng và gia thăng chức tước không ngừng.

Nhận xét về hàng quan lại đầu triều Nguyễn Phước Biện, năm 1886, Tướng Warnet viết:

... Viện Cơ Mật gồm một số đại thần, trong đám họ, phải thú thực chẳng có một người xứng đáng (có giá trị) nào. Chủ tịch Cơ Mật, Cần Chính Nguyễn Hữu Độ, Kinh lược Bắc Kỳ, không phải là nhà cai trị, nhưng y ít nữa xứng đáng là một dụng cụ dễ bảo trong tay chúng ta; y tự hòa phục (compromis) vì chúng ta và với chúng ta, và chúng ta có thể tin tưởng ở y.(42)

42. SHAT (Vincennes), 10H xxx [44].

Vào tháng 3/1888, 6 thượng thư chính trong triều gồm có Nguyễn Thuật (Lại), Đoàn Văn Hội (Lễ), Hoàng Hữu Thường (Binh), Tôn Thất Phan (Hộ), Lê Hữu Thường (Công) và Hà Văn Quan (Hình). Hai tháng sau, 5/1888, Hà Văn Quan, người Quảng Bình, chết. Lễ bộ thượng thư Đoàn Văn Hội đổi sang nắm bộ Hình. Bùi Ân Niên được cử làm thượng thư bộ Lễ.

C. THỜI CỦA NHỮNG THÔNG NGÔN:

Triều Nguyễn Phước Biện có thể coi như thời vàng son của giai tầng thông ngôn. Nhu cầu hành quân và ổn định tình hình ngày càng đòi hỏi nhiều thông ngôn hơn. Thoạt tiên, vì thiếu nhân sự, người Pháp phải sử dụng các thông ngôn gốc Nam, nhưng một số chẳng những thiếu kiến thức Hán tự mà còn tạo nên nhiều tệ nạn. Bởi thế các viên chức Pháp bắt đầu tận dụng và đào tạo thêm thông sự gốc Bắc và Trung, tức địa phương hoá giai tầng thông sự. Đây là cơ hội bằng vàng cho các cựu thầy kẻ giảng từng có chút ít huấn luyện về Pháp ngữ và Latin.

Để thưởng công cho thông sự hay ký lục, các viên chức Pháp lưu tâm cất nhắc họ. Một số thông ngôn Nam được điều ra Bắc, giao phó các chức tri huyện, tri phủ. Petrus Key lộng hành ở Huế suốt 6 tháng, trước khi cáo bệnh về Nam. Diệp Văn Cương, gốc Hải Nam, và em là Diệp Văn Mang một thời hồng hách quyền uy. Cương được đưa lên hàng Chương giáo, trông lo việc huấn luyện "hành nhân" kiêm nhiệm thông ngôn riêng của vua.(43) Lê Duy Hình, dù chỉ giữ chức trưởng phòng "ký lục" [*lettré*], cũng đây uy quyền. Năm 1884, Hình là người đã đòi lập Hường Hưu kế vị Nguyễn Phước Hạo, khiến Hường Hưu bị kết án "tự bỏ việc công, tiết lộ quân quốc trọng sự [với Pháp]," và thông gian với công chúa Đồng Xuân đến có con, toàn gia bị đầy ra Lao Bảo. Năm 1885, nếu tin được triều thần Huế, Hình còn "âm mưu loại bỏ" Bửu Lân, lập Nguyễn Phước Biện làm vua.(44)

43. Tháng 3/1888, theo lời tâu của Hành nhân Diệp Văn Cương, học trò trường Hành nhân còn được cấp lương; *DNTLCB*, VI, 38:1887-1889, 1978:71.

44. *Ibid.*, 36:1885-1886, 1976:164-165, 178-179. Xem thêm chi tiết trong chương sau.

Miền Trung, dĩ nhiên, cũng có phần trong "thời những tên thông ngôn" này. Ngô Đình Khả, gốc Quảng Bình, ra công phục vụ Pháp, sau này lên tới chức chánh phòng thông sự ở "Toà Khâm." Nguyễn Hữu Bài, tức Bồi, gốc Quảng Trị, khởi nghiệp từ chức "Thừa phái" ở Thương Bạc bên bờ tây Hương Giang năm 1883, qua bờ sông đối diện sau biến cố 1885 làm "ký lục" kiêm "thông sự" ở Tòa Khâm; và, từ đó đường hoạn lộ bắt đầu thăng thạnh. Công lao đầu tiên của Bài là theo các đạo quân viễn chinh Pháp "đẹp loạn" ở Bắc An Nam và Bắc Kỳ. Nhờ vậy, Bài được cử qua ngạch quan lại, với những lời khen ngợi nhiệt thành của Pháp.(45)

45. Chính Đạo, *Việt Nam Niên Biểu, tập III: Nhân Vật Chí*, tái bản có bổ sung (Houston, TX: Văn Hoá, 1997). Xem thêm thông sự Lê Văn Quyền, được thăng hàm tri phủ, rồi thị độc đại học sĩ; *DNTLCB*, VI, VIII, 38:1887-[1889], 1978:28.

Đa số các thông ngôn trên đều xuất thân từ các chủng viện Ki-tô và được sự đỡ đầu cùng đề cử của các giáo sĩ ngoại quốc. Họ tạo thành một giai tầng trung gian bản xứ thay thế dần giai tầng văn thân nho sĩ, và thường biện minh cho sự hợp tác với Pháp qua chiêu bài "thánh chiến" lập tân trào.

III. CÁI CHẾT CỦA NGUYỄN PHƯỚC BIỆN:

Những tháng cuối năm 1888, Huế trải qua nhiều biến động. Trước hết là sự trở lại của Rheinart, được cử thay Hector làm Tổng Trú sứ, nhưng chỉ nhiệm chức từ tháng 11/1888. Thứ hai là việc Nguyễn Phước Minh bị bắt ngày 1/11/1888—có tài liệu ghi tới ngày 2/11/1888—rồi ngày 16/11/1888, chính phủ Pháp quyết định đầy cự hoàng qua Algérie. Không kém quan trọng là cái chết của Nguyễn Hữu Độ vào tháng 12/1888, sau hơn ba năm khuynh đảo triều Huế. Nguyễn Phước Biện muốn cử Đoàn Văn Bình, Nguyễn Chính và Nguyễn Thuật thay Độ, nhưng Toàn quyền Richaud không thuận. Trần Lưu Huệ, Tổng đốc Sơn-Hưng-Tuyên, tạm quyền chức Kinh lược sứ Bắc Kỳ cho tới khi có lệnh mới.(46)

46. *DNTLCB*, VI, XI, 38:1887-[1889], 1978:150 [Nguyễn Hữu Độ chết]

Richaud gọi Rheinart ra Hà Nội để bàn luận về việc cải tổ triều Huế—tức thiết lập sự kiểm soát chặt chẽ hơn Nguyễn Phước Biện và Cơ Mật viện.

Ngày 19/1/1889, khi Rheinart từ Hà Nội trở lại Đà Nẵng thì được tin Nguyễn Phước Biện bệnh nặng. Tuy nhiên, Rheinart không mấy quan tâm. Ngày 26/1, Rheinart mới về tới Huế; họp Cơ Mật, và đề nghị gặp vua ngày 27/1. Lo ngại Nguyễn Phước Biện bị đầu độc, ngày 27/1 Rheinart gửi điện tín cho lệnh y sĩ trưởng Cotte từ Thuận An vào khám bệnh cho vua. Sở dĩ Rheinart sợ Nguyễn Phước Biện bị đầu độc vì những biến cố sau: Giết Phan Đình Bình, một trong những người yểm trợ Nguyễn Phước Biện năm 1885; hành hạ con gái Nguyễn Hữu Độ sau khi Độ chết, v.. v....(47)

47. Báo cáo ngày 1/2/1889; AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol. 74; *DNTLCB*, VI, VIII, 38:1886-18[89], 1978:23-24 [23-27: Nguyễn Hữu

Độ muốn trị tội Phan Đình Bình; nói năm 1885 Bình muốn đưa Bửu Lân lên ngôi].

Theo Richaud, "ngay sau khi có những tin tức đầu tiên về bệnh trạng của vua, "kẻ xấu đã phao đồn rằng Người bị đầu độc, tin đồn này được loan truyền trong giới Pháp kiều [colons] và các tầng lớp người An Nam. Cái kết cục thảm khốc đã xịch đến quá nhanh nên chẳng chầm dứt sự được sự đồn đại kia...." (47)

47. Báo cáo ngày 11/2/1889; Ibid.

Rheinart cũng gọi một y sĩ gần tòa Khâm sứ nhất tới đề phòng trường hợp Cotte không đến kịp. Buổi chiều, Rheinart cùng hai y sĩ vào tận Cần Minh Hiên thăm sức khoẻ vua. Cotte khám bệnh, có Diệp Văn Cương thắp tìng. Theo Cotte, vua bị sốt rét; mất thân nhiệt. Bị nôn mửa và nấc cụt (*houchet*). Cotte cho thuốc; nhưng sợ rằng trong vòng 15 ngày sẽ bị phát triệu chứng xung tủy sống [*accès pernicieux*] có thể nguy hiểm đến tính mạng. Tuy nhiên, Cotte khẳng định không có việc bị đầu độc. Mãi tới khoảng 19G30, Rheinart mới trở lại Tòa Khâm sứ. Y sĩ Cotte viết toa thuốc; Rheinart trao cho Cương lo giúp vua uống thuốc.

Trưa hôm sau, khi Rheinart và Cotte trở lại Cẩm thành, sức khoẻ Nguyễn Phước Biện có vẻ khá hơn. Nhưng 8 giờ tối đó, Rheinart nhận được thư cấp báo của Cương, yêu cầu vào ngay Cẩm thành, vì bệnh vua trở nặng. Rheinart chưa kịp ra bờ sông thì Diệp Văn Mang, em Cương, báo tin "Vua chết rồi." Sử Nguyễn ghi Nguyễn Phước Biện chết lúc 20 giờ 10 tại Cần Thành, thọ 25 tuổi [ta]. (48)

48. *ĐNTLCB*, VI, XI, 38:1887-[1889], 1978:157.

Rheinart cùng một bác sĩ vào tận cung cấm khám nghiệm tử thi. Trở lại phòng cấm vệ quân, Rheinart nói với các hoàng thân và đại thần là họ có trách nhiệm thành lập một chính phủ lâm thời; và phải thông báo ngay tới các địa phương. Rheinart cũng thêm rằng tình trạng này chỉ kéo dài hai hay ba ngày, và họ phải đề nghị một người lên kế vị. Rồi nhờ một cháu của Từ Dụ chuyển lời chia buồn. (49)

49. *ĐNTLCB*, VI, XI, 38:1886-[1889], 1978:157.

Theo Rheinart, người Pháp không muốn dính líu đến việc kế vị, và ủy toàn quyền cho các đại thần cũng như Từ Dụ. Thực ra, vừa biết tin Nguyễn Phước Biện chết, Rheinart đã vội trao đổi điện tín với Richaud để bàn định việc nối ngôi. Dưới mắt hai viên chức này, 4 ứng cử viên được coi là sáng giá nhất:

1. Mặc dù Nguyễn Phước Biện không để lại di chiếu, các hoàng tử con vua kế vị là lẽ thường tình. Nhưng trong số 6 con trai của Nguyễn Phước Biện, hai hoàng tử lớn nhất, mới 4 tuổi (Bửu Đảo) và 3 tuổi. Theo Richaud,

... [V]iệc đăng quang của một trong hai ấu nhi này sẽ gây ra nhiều điều bất lợi mà tôi không muốn nhấn mạnh. Mặt khác, trong những ngày gần đây Đồng Khánh đã làm cho nhiều vị Đại thần khó chịu, mấy vị trong số đó về sau được cử vào Hội đồng Phụ chính. Tôi xin nói thêm rằng mấy cậu con Đồng Khánh

đều ở tình trạng sức khỏe rất kém; vương quyền của Đồng Khánh lại có nhược điểm là do chúng ta [người Pháp] tạo nên; nếu con Đồng Khánh lên nối ngôi cũng sẽ phải chịu những lời chê trách giống như thế. Hơn nữa, Triều đình đã có vẻ không ủng hộ con Đồng Khánh, đúng như họ xác nhận về sau, khi được tham khảo ý kiến.

Tôi cần thêm rằng trong số những người em còn tại thế của Tự Đức không một ai xứng đáng, ta cũng chẳng thấy có gì khá hơn khi ngừng lại ở một người anh em của Đồng Khánh, người mà ông Rheinart dù sao cũng đã cho sưu tra lý lịch.

2. Ứng cử viên thứ hai là Nguyễn Phước Minh, mới bị đày qua Algérie với tên thực Ứng Lịch. Ứng Lịch, theo Toàn quyền Richaud, rất được ủng hộ tại miền Bắc; và là biểu hiệu của cuộc tranh đấu kháng Pháp.

Hoàng thân này từng ngồi trên ngai vàng, đã là thủ lĩnh của phe ái quốc; tên tuổi của ông ta được nhiều người biết, từ lâu nay vẫn được dùng làm chiêu bài cho các kẻ ái mộ và đang gây chiến với chúng ta. Ảnh hưởng của ông ta đúng là không thể bác bỏ, tôi không cần phải đi tìm bằng chứng nào khác hơn là niềm xúc động mà việc ông ta bị bắt đã gây ra cho mọi giai tầng dân An Nam và lòng tôn kính mà ông ta được hưởng trên đường bị giải từ miền núi, nơi ông ta sa cơ, đến Thuận An để xuống tàu *La Comète* [Sao Chổi] đi đày.

Ở Bắc kỳ này, vị Hoàng thân ấy được ngưỡng mộ đến độ một người thuộc giới thượng lưu An Nam, bản thân có uy tín lớn, cựu Kinh lược sứ và [mới được bổ nhiệm làm] Đệ nhất Phụ chính Đại thần [Nguyễn Trọng Hợp], cũng tự ý đi tìm tôi sau ngày Đồng Khánh chết, để đệ lên một thỉnh nguyện và tuyên bố việc chọn Hàm Nghi có lẽ là việc mà chúng ta bắt buộc phải làm, vì việc ấy sẽ khiến hết thảy mọi thủ lãnh loạn quân đang tàn phá xứ sở này chịu hạ khí giới.

Sự kiện đó đã đủ để biểu thị cho chúng ta thấy cùng một lúc những lợi ích mà kế hoạch hàng đầu này có thể mang lại; đồng thời sự lo ngại có thể nảy sinh trong chúng ta, và nhất là ở những người bản xứ đã tự hoà giải với chúng ta—tôi không nói là tận tụy phục vụ mục đích của chúng ta (không có hạng người này đâu).

Phải chăng như thế là chúng ta tự mâu thuẫn?

Ví thử Hàm Nghi đã nhận quyền lực từ chúng ta, liệu ông lãnh tụ này có bị giảm giá dưới mắt các thuộc hạ, và họ sẽ tiếp tục giữ nguyên vị thế thù địch với chúng ta? Sau cùng, liệu một Hàm Nghi do chúng ta "bầu" lên sẽ thành tín hợp tác với chúng ta? Có quá nhiều vấn nạn quan trọng và mờ tối khiến người ta chỉ có thể giải đáp bằng những ức thuyết, và chúng tôi đã phải nghiên cứu ở đủ mọi khía cạnh.

Và lại, dù đã thỏa thuận là ngưng tranh biện về việc chọn Hàm Nghi [chúng tôi] còn phải giao kết rằng việc đưa nhân vật ấy lên ngai vàng chẳng có nghĩa đưa ông ta trở về xứ Đông Dương ngay tức khắc. Chỉ sau khi đã công nhận ông ta, chính phủ Pháp mới bảo đảm cho ông ta mọi nghi vệ của một ông

vua và một cách sống tương xứng với địa vị ấy, nhưng sẽ đình hoãn ngày hồi hương đến khi nào xứ sở đã được bình định hoàn toàn. Vậy là, dù ở trường hợp này, vẫn cần phải thiết lập một cơ chế phụ chính như cho một ấu vương.

3. Ứng cử viên thứ ba là Tăng Nhu, hậu duệ Thái tử Cảnh [con Tôn Thất Lệ Chung], đã 30 tuổi. Trong mắt Rheinart, Tăng Nhu có nhiều ưu điểm. Từ năm 1816, nếu không phải sớm hơn, đã có sự tranh chấp ngôi báu giữa con Thái tử Cảnh và Nguyễn Phước Đảm [Minh Mạng]. Cảnh là hoàng tử đầu tiên đã tìm đến với người Pháp; và dù bị loại, vẫn được coi như đích truyền trong việc kế vị. Hơn nữa, những biến động từ năm 1883—chưa đầy 5 năm mà ngôi vua đã đổi 6 lần—khiến dư luận chống đối nhà Nguyễn cho rằng hệ Nguyễn Phước Đảm đã mất vận, theo luật quả báo. Con cháu Thái tử Cảnh là lựa chọn hợp lý. Trớ ngại duy nhất là Tăng Nhu chưa hề được chuẩn bị để lên ngôi. Richaud cũng đồng ý với Rheinart rằng lập Tăng Nhu là phục hồi quyền thừa kế cho dòng đích người nối dõi ông Hoàng từng là đồng minh của các Pháp Hoàng, và cho thiên hạ thấy rằng Trời đã trừng phạt tội ác của Nguyễn Phước Đảm. Lợi điểm khác là ứng viên này đã 30 tuổi, chẳng phải bận tâm về vấn đề phụ chính. Nhưng, vẫn theo Richaud, "Hoàng thân này đã sống suốt đời như một thường dân và không hề được chuẩn bị để đóng vai vua, nhất là ông vua trong một triều đình đang đầy rẫy những nổi bất bình như triều Huế."

Bởi vậy, việc tiến cử Tăng Nhu bị cả Richaud lẫn Rheinart gạt bỏ ngay sau khi được đặt ra.

4. Ứng cử viên khác nữa thuộc dòng dõi Ứng Chơn [Dục Đức], người đã liên hệ với Rheinart từ năm 1881, nếu không phải sớm hơn. Phần nào do liên hệ này, Ứng Chơn đã bị phế, và rồi giết chết ngay sau khi Rheinart rời nhiệm sở năm 1884. Nói cách khác, dòng dõi Dục Đức có điểm son là từng phục tùng Bảo hộ. Hơn nữa dù mới 10 tuổi, Bửu Lân là người thừa kế trực tiếp ngôi vua Nguyễn Phước Thời để lại, và tư cách này [tức cháu nội] không thể coi nhẹ. (50)

50. Báo cáo số 181, ngày 11/2/1889, Richaud gửi BHQ&TĐ; AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol. 74.

Trong công điện số 124 ngày 30/1/1889, để trả lời công điện cùng ngày của Richaud, Bộ Thuộc Địa khẳng định **bất cứ ai cũng được, ngoại trừ Ứng Lịch**. (51)

51. Báo cáo ngày 11/2/1889, Richaud gửi TĐ; Ibid.

Như thế việc tuyển chọn của Rheinart hầu như chỉ còn Bửu Lân. Nhưng Rheinart vẫn chỉ thị cho các đại thần lựa chọn tự quân, ít nữa ở mặt ngoài, vì viên chức Pháp có tiếng nói cuối cùng.

Hầu hết các đại thần cũng không muốn lập một hoàng tử đã trưởng thành vì những liên hệ phức tạp của ứng cử viên này trong thời gian chưa làm vua. Thượng thư Bộ Lễ (Tôn Thất Phan) đề nghị chọn một tự quân nhỏ tuổi, và muốn đề cử Bửu Lân, nhưng không dám nói ra vì Bửu Lân đang bị giam tại Lăng Nguyễn

Phước Thời. Phan bèn chọn cách tiến cử Bửu Lâm khôn khéo nhất là đề cử Bửu Đảo, người chắc chắn bị Từ Dụ chống đối. Và, đúng như các triều thần trù tính, Từ Dụ cùng Tôn Nhân Phủ chọn Bửu Lâm. (52)

52. Báo cáo ngày 1/2/1889, Rheinart gửi Richaud; Ibid.

Theo Richaud:

[Ô]ng Rheinart vào dò ý tứ Lão Thái Hậu, vị này đã biểu thị thật rõ ràng cảm tình mà Người dành cho con của Dục Đức, Hoàng tử Bửu Lâm. Triều đình đã ngã theo khuynh hướng ấy một cách thật minh bạch; tôi đã chỉ thị cho ông Tổng Trú Sứ là tìm cách nắm lấy ý kiến của tất cả mấy bên nhưng đứng ngoài mọi buổi tranh luận và tránh việc lôi kéo Chính phủ Đại Pháp vào cuộc. Quyền lợi thực tiễn của chúng ta không bị đe dọa, chỉ có độc một sự chọn lựa là đáng coi như chống đối nước Pháp, đó là cựu hoàng Hàm Nghi; nếu vị này được chọn ngoài ý chúng ta ấy là vì ông ta đã chống lại chúng ta, nhưng chúng ta khỏi cần bận tâm về điểm này. Hàm Nghi rất được ngưỡng mộ ở Bắc Kỳ nhưng đối với Triều đình Huế thì lại hiển nhiên không chấp nhận được. Chẳng có một ai trong Hoàng tộc, hiểu theo viện Cơ mật, có vẻ nghĩ tới việc đề cử Hàm Nghi.

Theo sự hiểu biết của tôi, các con [Nguyễn Phước Biện] chẳng thu hút được bao nhiêu thiện cảm. Vị Hoàng thân hậu duệ trực tiếp của [Nguyễn Phước Chung] thì chỉ có thể được đề cử một cách nghiêm chỉnh nếu được ông Tổng Trú Sứ làm hậu thuẫn; hết thảy các vị Hoàng thân khác đều hiển nhiên không chấp nhận được. Vì vậy, đến ngày 30 [tháng 1/1889] thì triều thần tuân theo ý chỉ của Lão Thái Hậu mà tôn Hoàng tử Bửu Lâm Báo cho tôi biết tin này, ông Tổng Trú Sứ thúc dục tôi phải xin gấp sự phê chuẩn của chính phủ Đại Pháp, sự phê chuẩn mà ông Hoàng đó và triều đình nóng lòng chờ đợi để công khai hóa việc chọn người lên nối ngôi. Và lại, cũng cần hành động gấp để tránh mọi phiền phức và cắt đứt mọi vận động mưu lợi tại chốn cung đình, điều rất đáng ngại trong trường hợp như thế.

Cách nào đi nữa, việc loại bỏ con Nguyễn Phước Biện và lập Bửu Lâm còn gây nhiều dư âm hàng thập niên sau. Năm 1897, Khâm sứ Brière nhận xét rằng hệ Đổng Khánh bị loại vì lý do bệnh thần kinh.... (53) Chín năm sau, Khâm sứ Fernand Levecque báo cáo rằng thoát tiên Rheinart muốn lập con Nguyễn Phước Biện, nhưng Diệp Văn Cương can thiệp, nên đã chọn "Bửu Lâm" tức Nguyễn Phước Chiêu. Phần Nguyễn Phước Biện bị coi như "bệnh não." (54)

53. Báo cáo ngày 25/1/1897, Brière gửi Doumer; CAOM (Aix), GGI, dossier 9619/39.

54. Ibid., GGI, dossier 9577.

Đại Nam Thực Lục Chính Biên chỉ vẫn tắt ghi

"Các con [Nguyễn Phước Biện] đều thơ ấu, chưa thể nối ngôi được; các quan vâng theo ý chỉ của Nghi Thiên Chương [Thái] hoàng [Thái] hậu [Từ Dụ]

và Lê Thiên Anh [Thái] Hậu [Trang Ý] đón con thứ 7 của Cung tông Huệ Hoàng Đế [Ứng Chơn], vào nổi nghiệp lớn." (55)

55. *ĐNTLCB*, VI, XI, 38:1886-[1889], 1978:157.

Mặc dù không hài lòng việc lập một người nhỏ tuổi, nhưng cũng không muốn can thiệp quá sâu vào quyết định của các quan, nên Rheinart chỉ yêu cầu họ gặp ngay Từ Dụ để tham khảo thêm. Ít lâu sau, đích thân Rheinart cũng tới hỏi ý Từ Dụ. Khi vừa tới gần cung, các quan đồng thanh nói Từ Dụ và họ nhất trí chọn Bửu Lân lên kế vị. Rheinart chỉ còn biết nhấn mạnh là sự lựa chọn này cần được sự phê chuẩn của chính phủ Pháp.(56)

56. Báo cáo ngày 1/2/1889, Rheinart gửi Richaud; đã dẫn *supra*)

Hôm sau, [30/1?] 29/1, Rheinart cùng chánh văn phòng là Léon Bouulloche lại vào Cẩm thành gặp các đại thần và đại diện Tôn Nhơn Phủ. Sau khi viếng chào linh cữu Đồng Khánh, Rheinart tới viện Nội các. Bửu Lân đã có mặt ở đây. Hoàng tử ra tận ngưỡng cửa đón Rheinart, đưa tay bắt, rồi hướng dẫn Rheinart vào chỗ cư ngụ mới của mình. Hai bên chia nhau an vị, và Rheinart trao cho Bửu Lân bức công điện từ Hà Nội, thông báo quyết định của Paris, rồi chúc mừng.

Theo Rheinart:

[Tự quân] mặc một áo bào xanh da trời, còn mới, khá cứng; đầu chít khăn đen; chưa phải là y phục nhà vua. Hoàng tử cao lớn hơn trang lứa; ông ta có vẻ năng động, tư thái dễ thương. Học vấn khá tiến bộ, đã học chữ Hán từ nhỏ; và cũng biết chữ cái của chúng ta. Tôi đề nghị cho ông ta được học chữ viết của chúng ta và theo văn hóa Pháp; tôi có trong tay một ông thầy tuyệt vời, gã thông ngôn [Diệp Văn] Cương. Y đã học ở Algérie, rất uyên bác, rất thông minh; hoàng tử trẻ tuổi đã biết y từ lâu, và đã học với Cương ít bài học, trước khi người ta nghĩ rằng ngôi vua có thể bị trông sớm như thế. Cương nhập tịch Pháp, đó là một đày tớ xuất sắc và tận tụy.(57)

57. *Ibid.* Về Diệp Văn Cương, xem Hứa Hoàn, *Những phú hộ lưng danh Nam Kỳ* (Houston: Văn Hoá, 1999), tr 244-62.

Lúc Rheinart cáo từ, Tự quân đưa tiễn Rheinart ra tận cửa, bắt tay từ giã. Rheinart hài lòng thấy Bửu Lân được Cương huấn luyện cặn kẽ, đối đáp một cách nghiêm trang và khả kính đáng ngạc nhiên. Tiếp đó, Rheinart tới điện Cần Chính gặp các đại thần và đại diện Tôn Nhân Phủ, yêu cầu họ sớm thành lập một Phủ Phụ Chính. Trước đó, Phủ Phụ chính gồm ba [3] người, với một Hoàng thân làm Đệ nhất Phụ chính thân thân, nhưng chỉ có tước vị danh dự. Rheinart chọn Miên Lâm (1831-1897), con thứ 57 Nguyễn Phước Đảm, đang giữ chức Tả Tôn Nhơn Phủ Tôn nhơn [chấp pháp], làm Đệ nhất Phụ chính. (58) Hai Phụ chính khác là Nguyễn Trọng Hợp [Hiệp], cựu Kinh lược Bắc Kỳ, và Trương Quang Dẫn. Tất cả mọi người đều đồng thanh chấp thuận. Rồi đề nghị cho Bửu Lân đăng quang ngày 1/2/1889, tức mùng 2 Tết Kỷ Sửu.

58. *ĐNCBLT*, II, bk 7;(1993), 3:145.

Vào giờ chót, Tuy Lý Vương Miên Trinh (1819-1897), con thứ 11 Minh Mạng; Hữu Tôn nhơn (chủ tịch) Phủ Tôn Nhơn, được làm Đệ nhất Phụ chính thân thân, kiêm giữ Tả Tôn chính. (59) Miên Lâm làm Đệ nhị phụ chính thân thân; Nguyễn Trọng Hợp, Đệ nhất phụ chính đại thân, và Trương Quang Dẫn, Đệ nhị phụ chính. Sự thay đổi này không những do Từ Dự và các đại thân yêu cầu, mà còn, theo Richaud, bảo đảm sự kiểm soát và chỉ đạo của Pháp "có hiệu quả rõ rệt khiến ai nấy đều cảm giác được." Miên Trinh là niên trưởng của các Hoàng thân, rất được kính mến. Quan trọng hơn, Miên Trinh thân với Pháp đã lâu, nên bị Tôn Thất Thuyết đẩy vào Quảng Ngãi. Miên Lâm thì đang chủ trì gia phong (luật nhà), và rất ít khi phát biểu ý kiến.

59. Ibid., 3:108.

Phản Nguyễn Trọng Hiệp, "có văn học, thông minh, có uy tín, bị nhiều người coi như thù nghịch với Pháp," chủ trương suy tôn Hàm Nghi; nhưng "lập trường thù nghịch vẫn được khoắc cho nhân vật này có thể viện dẫn để chống lại bất cứ một kẻ bất mãn nào, và hiệu lực sẽ càng mạnh mẽ hơn vì Hiệp có đủ thế giá mà người nghe đòi hỏi." Trương Quang Dẫn, xuất thân từ một thế tộc, có uy tín lớn ở địa phương. Rheinart và Richaud cũng đồng ý rằng:

Bất luận sự chọn lựa ra sao, chúng ta vẫn cần duy trì tư thế riêng; ta cần phải tự đề phòng với ngay cả những kẻ đã chấp nhận làm dụng cụ của chúng ta. Điều cốt yếu là chúng ta phải có những dụng cụ có thể dùng được việc.(60)

60. Báo cáo số 18, ngày 28/2/1889, Rheinart gửi Richaud; AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol. 74.

Cái chết đột ngột của Nguyễn Phước Biện mang lại cho chính phủ và các viên chức Pháp những nuôi tiếc khó tránh. Vua là mẫu "hình nhân dát vàng" [*mannequin doré*] lý tưởng—tức một ông vua vừa dễ bảo, vừa cung cấp cho Pháp tấm bản hiệu "trung hưng dòng chính thống" để ghép buộc cho những tổ chức yêu nước, kháng Pháp là "ngụy" và đồng thời lôi kéo khối giáo dân Ki-tô về phía Bảo hộ. Dầu chỉ là một sản phẩm hoàng gia của Pháp, vua là người cuối cùng được quan chức Pháp đối xử như một "quốc trưởng." Sau cái chết của Nguyễn Phước Biện, vị thế của các vua Nguyễn ngày thêm suy yếu không những dưới mắt người Pháp, mà còn ngay cả dưới mắt của những thành phần trung gian bản xứ khác.

IV. NHỮNG ĐỔI THAY QUAN TRỌNG:

Sự chiếm đóng của Pháp hiển nhiên mang lại những thay đổi rộng lớn trên toàn lãnh thổ Việt Nam—khởi đầu bằng sự hiện diện của giai tầng Pháp kiều, cùng sự du nhập tàu chiến, khí giới, hệ thống tổ chức quân đội, rồi đến các sản phẩm tiêu dùng, thương mại, và sự phát triển tầng lớp thị dân, bồi bếp, nhân công bản xứ tại các đồn điền, mỏ than, kim loại, v.. v... Về phương diện văn hóa, sự xuất hiện

của Pháp ngữ và chữ Việt mới, dựa theo chữ cái Latin và năm dấu xướng âm theo mẫu Portugal và Espania (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng) tạo nên một cuộc cách mạng thầm lặng, nhưng hậu quả lâu dài, góp phần vào việc hình thành một nền văn hóa mới—bám sát sự thay đổi trong tiến trình toàn cầu hóa, tự vượt thoát khỏi ngục tù văn hóa Trung Hoa lỗi thời có gần hai nghìn năm lịch sử thành văn, khởi đầu đầu đó từ thời Vương Mãng, tức cuối đời Tây Hán (206TTL-08 TL), đầu đời Đông Hán (25-220 TL).

A. KHAI PHÁ NÚI RỪNG:

Một trong những thành tựu của chế độ bảo hộ Pháp là việc khai khẩn núi, rừng, kinh, rạch để khai thác tài nguyên thiên nhiên, đưa vào thị trường quốc tế hay khu vực. Đã có nhiều khảo cứu về việc này, hay những dã sử tiêu thuyết như mỗi gốc cao su là mộ một nhân công Việt; hay cuộc sống lầm than của các nhân công mỏ than—lò sản xuất những cán bộ “Cộng Sản” đầu tiên.

Nhưng ở một khía cạnh khác, công trình mở mang kinh tế của Pháp cũng giúp lãnh thổ kiểm soát của người Việt rộng mở lên những cao nguyên miền bắc và miền Trung. Tại miền bắc, chẳng hạn, lực lượng quân sự và tư bản Pháp giúp bình định vùng tây bắc, đặt vào các đơn vị quân chính những bộ lạc Thái, Tày, Nùng, H'Mong, Mường, Dao, v.. v...—khác hẳn tình trạng mù mờ, hỗn loạn, vui ở buồn đi dưới các triều đại quân chủ Việt Nam.